

Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ

UH, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 334/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: thôn ND, xã HN, huyện UH, tHnh phố H Nội

***Bị đơn:** Anh **Lê Văn H1** - sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn ND, xã HN, huyện UH, tHnh phố H Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Đất đai;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 07 tháng 01 năm 2021; Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 07 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị H và anh H1 có 04 con chung là Lê Thị Thanh H2 – sinh ngày 16/01/2005; Lê Thị Thanh H3 – sinh ngày 15/4/2007; Lê Bảo N – sinh ngày 27/3/2015 và Lê Bảo C – sinh ngày 04/4/2017. Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung Lê Thị Thanh H3 và Lê Bảo N; giao anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung Lê Thị Thanh H2 và Lê Bảo C. Tạm hoãn

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H1 và chị H cho đến khi có thay đổi hoặc có đề nghị mới.

Anh H1 và chị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

2.3. Về tài sản và công nợ chung: anh H1 và chị H đều tự nguyện thỏa thuận, thống nhất phân chia và đề nghị Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau:

2.3.1. Về nợ chung: anh H1 và chị H đều xác nhận không có.

2.3.2. Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh H1 tạo lập được 01 tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4, xây 03 tầng, tường xây gạch đỏ, khung mái trần bê tông cốt thép, vệ sinh khép kín, diện tích xây dựng 57m²/sàn của thửa đất số 745, tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 82,7m² (bản đồ năm 2014, trong đó có 25,7m² đất nằm trong phạm vi bảo vệ đê, trên phần diện tích này có xây dựng 01 gian nhà tạm tường xây gạch chỉ đỏ, mái lợp tôn chống nóng, cửa cuốn điện, hiện nay anh H1 đang sử dụng vào việc kinh doanh dịch vụ nhôm kính), tọa lạc tại xóm 4, thôn ND, xã HN, huyện UH, thành phố HN; hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo sổ mục kê, bản đồ và quản lý của UBND xã HN thể hiện tên người quản lý và sử dụng là anh Lê Văn H1. Thửa đất và nhà có đặc điểm tứ cận và số đo như sau:

+ Phía Tây Nam giáp phần đất Hnh lang giao thông đường Quốc lộ 21B, có số đo 4,03 m;

+ Phía Đông Bắc giáp phần đất nhà ông Đinh Văn B, có số đo là 4,03 m;

+ Phía Đông Nam giáp phần đất nhà ông Lê Văn D, có số đo là 20,57 m;

+ Phía Tây Bắc giáp phần đất nhà anh Nguyễn Văn H5, có số đo là 20, 51m.

Sau ly hôn, tạm giao cho anh Lê Văn H1 được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt toàn bộ thửa đất và công trình xây dựng trên diện tích thửa đất số 745, tờ bản đồ số 8 (bản đồ năm 2014), diện tích 82,7m² tọa lạc tại xóm 4, thôn ND, xã HN, huyện UH, thành phố HN.

{Trong quá trình quản lý, sử dụng, định đoạt đối với tài sản trên đất và diện tích thửa đất số 745, tờ bản đồ số 8 (bản đồ năm 2014), diện tích 82,7m²; địa chỉ thửa đất ở xóm 4, thôn ND, xã HN, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội thì anh Lê Văn H1 phải chấp hành các quyết định, quy định về quản lý đất đai của các cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền}.

Anh Lê Văn H1 có trách nhiệm thanh toán phần giá trị tài sản chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng chẵn). Ghi nhận việc anh Lê Văn H1 đã thanh toán và chị Nguyễn Thị H đã nhận đủ số tiền 800.000.000

đồng (*Tám trăm triệu đồng chẵn*); Số tiền còn thiếu là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*), chậm nhất đến hết ngày 30/3/2021 anh Lê Văn H1 có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H; Ngay sau khi anh H1 thanh toán nốt số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) cho chị H thì chị H có trách nhiệm thu dọn toàn bộ đồ đạc của mình đi, bàn giao lại toàn bộ nH và đất nêu trên cho anh H1.

Trường hợp anh Lê Văn H1 không thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trên (vi phạm về thời gian, số tiền trả) thì chị Nguyễn Thị H có quyền làm đơn đến cơ quan thi Hình án dân sự có thẩm quyền tiến Hình cưỡng chế, kê biên tài sản của anh Lê Văn H1 để thu hồi nợ và anh H1 pH5 chịu lãi suất trên số tiền còn nợ chị H với mức lãi suất 15%/năm tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp; chị H tự nguyện nộp sung quỹ NH nước số tiền 150.000đồng dự phí đã nộp còn lại theo Biên lai số 0009943 ngày 02/12/2020 tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện UH.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hình và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện UH;
- UBND xã HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Thanh Phong